

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4 – 5
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	6 – 65
<i>Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>	<i>6 – 9</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>11– 12</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>13 – 63</i>
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>64-65</i>

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định 129/2004/QĐ-TTG ngày 14/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 125/2004/QĐ-UBND ngày 11/8/2004 của UBND thành phố Hà Nội. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273, thay đổi lần thứ 36 ngày 25/7/2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 36: 2.200.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2026: 2.200.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0 1 0 0 1 0 1 2 7 3

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 65).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thái Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Bà Trần Thị Tuyết Nhung	Thành viên	
Bà Trần Huệ Linh	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Dương Thị Lam	Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Tuệ Tâm	Phó Tổng giám đốc	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban	
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Trọng Hiên	Thành viên	

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh chính hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật chứng khoán sửa đổi số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các thông tư, nghị định hướng dẫn thi hành, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Dương Thị Lam

Số : 2506.01.02/2026/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Kính gửi : **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần, được lập ngày 27 tháng 8 năm 2026 từ trang 06 đến trang 65, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam số 2410 - Chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ soát xét; soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở kết luận ngoại trừ

+ Trong năm 2024, Tổng Công ty nhận được khoản Doanh thu Hợp tác Kinh doanh số tiền 263 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ, do đó chúng tôi chưa có đầy đủ cơ sở để đánh giá tính hợp lý của việc ghi nhận khoản Doanh thu Hợp tác kinh doanh này.

+ Tại ngày phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của các Công ty mà Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần đầu tư vào đơn vị khác bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra (đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư 100%) và Liên danh Trung tâm Thương mại Ngã Tư Sở (đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư 100%). Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Tổng Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở kết luận ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần tại ngày 30/6/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		616.031.487.737	963.153.577.984
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.272.261.962	27.680.565.345
1. Tiền	111		32.272.261.962	27.180.565.345
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		168.983.420.593	165.533.129.319
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	173.865.931.406	170.415.640.132
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	V.2	(4.882.510.813)	(4.882.510.813)
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		352.842.671.712	704.156.911.097
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	152.150.835.305	152.137.249.356
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	335.587.076.322	336.540.342.785
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	89.062.050.316	433.073.717.066
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(223.957.290.231)	(217.594.398.110)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		35.270.032.382	35.326.981.065
1. Hàng tồn kho	141	V.7	35.270.032.382	35.326.981.065
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		26.663.101.088	30.455.991.158
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	10.784.764.033	13.629.377.800
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		14.901.392.357	16.049.886.850
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		976.944.698	776.726.508
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.096.246.021.040	2.082.915.802.515
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.861.669.552	3.585.234.105
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	5.587.177.925	5.709.668.586
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	4.847.412.748	1.448.486.640
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216	V.6	(3.572.921.121)	(3.572.921.121)
II. Tài sản cố định	220		621.635.620.450	617.298.201.179
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	575.638.517.233	571.258.997.966
- Nguyên giá	222		918.057.743.030	902.841.964.728
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(342.419.225.797)	(331.582.966.762)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	45.997.103.217	46.039.203.213
- Nguyên giá	228		49.162.703.011	49.162.703.011
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.165.599.794)	(3.123.499.798)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.11	88.995.658.837	90.832.576.603
- Nguyên giá	241		131.527.016.822	131.527.016.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(42.531.357.985)	(40.694.440.219)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		1.025.473.509.367	1.028.860.568.677
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251	V.12a	558.866.406.067	556.119.126.034
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.12b	466.607.103.300	472.741.442.643
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.13	211.832.084.617	205.482.793.013
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		139.059.611.835	132.710.320.231
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		90.817.472.782	90.817.472.782
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(18.045.000.000)	(18.045.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		141.447.478.217	136.856.428.938
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	120.082.194.153	113.243.318.572
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279		21.365.284.064	23.613.110.366
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		2.712.277.508.777	3.046.069.380.499

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		545.409.491.785	873.679.684.614
I. Nợ ngắn hạn	310		322.843.940.586	652.657.335.335
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	21.400.565.687	21.704.029.389
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15a	2.398.238.499	1.891.331.916
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		24.331.200	24.331.200
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.16	2.103.667.055	995.352.182
5. Phải trả người lao động	315		4.499.413.724	6.422.171.597
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	5.553.843.027	22.124.962.688
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.18a	19.151.122.959	9.727.540.043
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.19a	49.757.822.465	44.709.817.276
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.20a	217.306.789.368	544.362.866.728
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		466.524.003	466.524.003
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		181.622.599	228.408.313
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		222.565.551.199	221.022.349.279
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15a	16.763.699.694	16.763.699.694
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	V.18b	89.094.279.250	91.003.489.504
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.19b	47.721.455.851	36.296.101.488
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.20b	68.966.762.219	76.939.704.408
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		19.354.185	19.354.185
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	2.166.868.016.992	2.172.389.695.885
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		315.664.802	315.664.802
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(529.920.000)	(529.920.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		10.242.057.765	10.242.057.765
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.381.940.928	33.381.940.928
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(93.309.013.015)	(88.439.255.757)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(88.439.255.757)	(55.224.411.915)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		(4.869.757.258)	(33.214.843.842)
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		16.767.286.512	17.419.208.147
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.712.277.508.777	3.046.069.380.499

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu



Cao Mạnh Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Duyên



Phòng Giám đốc

Dương Thị Lam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	209.234.971.187	234.783.053.026
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		209.234.971.187	234.783.053.026
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	148.853.907.785	177.916.982.224
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.381.063.402	56.866.070.802
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	13.383.739.380	30.924.062.636
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	16.135.257.187	29.481.926.576
Trong đó: chi phí đi vay	24		15.302.098.273	28.542.257.234
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	19.766.060.083	16.649.067.281
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	53.555.529.359	58.485.619.514
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		9.384.572.893	9.197.228.775
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.307.470.954)	(7.629.251.158)
13. Thu nhập khác	31	VI.7	964.306.552	3.134.540.947
14. Chi phí khác	32	VI.8	77.251.483	655.838.357
15. Lợi nhuận khác	40		887.055.069	2.478.702.590
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.420.415.885)	(5.150.548.568)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	101.263.008	126.517.802
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.9	-	(17.649.225)
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(5.521.678.893)</u>	<u>(5.259.417.145)</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>(4.869.757.258)</u>	<u>(5.159.608.017)</u>
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>(651.921.635)</u>	<u>(99.809.128)</u>
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>(22,14)</u>	<u>(23,46)</u>
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>(22,14)</u>	<u>(23,46)</u>

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2026

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Duyên

Tổng Giám đốc



Đường Thị Lam

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(5.420.415.885)	(5.150.548.568)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	14.133.237.951	14.006.308.925
- Các khoản dự phòng	03	6.362.892.121	10.873.643.995
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	124.567.189	(219.872.893)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.599.828.259)	(10.227.427.236)
- Chi phí đi vay	06	15.302.098.273	28.542.257.234
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20.902.551.390	37.824.361.458
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	338.571.585.607	15.350.712.685
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.690.331.350)	(495.126.384)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6.721.865.061	(3.601.291.366)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.994.261.814)	12.037.291.164
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	(15.178.381.032)	(41.287.901.616)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(270.798.362)	(306.705.036)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(46.785.714)	(700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	344.015.443.786	19.520.640.904
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(10.553.830.709)	(10.668.767.354)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.818.182	3.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(500.000.000)	(300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.250.000.000	150.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.798.920.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.452.149.399	5.778.600.430
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.349.863.128)	(6.835.905.106)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		74.327.908.799	505.329.768.818
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(409.362.283.313)	(530.665.751.884)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(335.034.374.514)	(25.335.983.066)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.631.206.144	(12.651.247.268)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	27.680.565.345	55.312.296.140
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(39.509.527)	122.032.973
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	32.272.261.962	42.783.081.845

Người lập biểu



Cao Mạnh Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Duyên

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2026



Đương Thị Lam

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ **6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

2. Khái quát về công ty:

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định 129/2004/QĐ-TTG ngày 14/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 125/2004/QĐ-UBND ngày 11/8/2004 của UBND thành phố Hà Nội. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273, thay đổi lần thứ 36 ngày 25/7/2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 36: 2.200.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2026: 2.200.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0 1 0 0 1 0 1 2 7 3

3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm: Kinh doanh buôn bán tổng hợp, Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

4. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế - Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất rượu vang; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất giày dép; Sản xuất đường;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ dịch vụ thiết kế công trình); Hoạt động Tổng Công ty nắm giữ tài sản; Dịch vụ đóng gói; Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: Đại lý; Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá); Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm); Bán buôn gạo; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Khai thác tận thu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Xay xát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng (không bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia);
- Bán buôn tổng hợp; Bán mô tô, xe máy; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè; Trồng cây gia vị, cây dược liệu; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo, chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm); Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa, chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng**6. Cấu trúc doanh nghiệp:***Các Công ty con được hợp nhất:*

ST T	Tên Công ty	Tỷ lệ vốn sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Rượu Hapro	54,58%	54,58%	Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, TP Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân Hapro	52,50%	52,50%	Số 11B Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Hải Dương	93,51%	93,51%	Số nhà 150, phố Chi Lăng, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng, Việt Nam
4	Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Xuất nhập khẩu Điều Bình Phước	83,69%	83,69%	Số 551, Tổ 1, Thôn Tân Phước, Xã Phú Riềng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
5	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng thương mại Hà Nội	92,41%	92,41%	Số 38 - 40 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam
6	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng thương mại Bắc Giang	60,97%	60,97%	Lô TM Trung tâm VHTTĐV TP Bắc Giang, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Bắc Giang, Bắc Ninh, Việt Nam

Tất cả các Công ty con đều Hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường

(1) Công ty Cổ phần Rượu Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102164984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007, thay đổi lần thứ 06 ngày 07 tháng 06 năm 2024.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 32.978.600.000 đồng (Ba mươi hai tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng), được chia thành 3.297.860 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(2) Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102333368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 07 năm 2007, thay đổi lần thứ 08 ngày 02 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(3) Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Hải Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800009770 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2005, thay đổi lần thứ 8 ngày 09 tháng 01 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), được chia thành 22.500 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng/cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(4) Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Xuất nhập khẩu Điều Bình Phước là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801099028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2015, thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 8 năm 2024.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng), được chia thành 6.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(5) Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102544224 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2006, thay đổi lần thứ 18 ngày 18 tháng 3 năm 2025. Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 54.500.000.000 đồng (Năm mươi tư tỷ, năm trăm triệu đồng), được chia thành 5.450.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(6) Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Thương mại Bắc Giang là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2401008722 do Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2025. Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 39.400.000.000 đồng (Ba mươi chín tỷ, bốn trăm triệu đồng), được chia thành 3.940.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	30,00%	30,00%	Thôn Chu Đậu, Xã Thái Tân, TP Hải Phòng, Việt Nam
2	Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK An Phú Hưng	40,00%	40,00%	Số 5C/1, tổ 8, khu phố 1A, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
3	Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	26,77%	26,77%	Số 38-40 Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội
4	Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên	30,94%	30,94%	Số 561, Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi, TP Hà Nội, Việt Nam
5	Công ty TNHH Cao Ốc Á Châu	40,00%	40,00%	Số 6 phố Nhà Thờ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội
6	Công ty Cổ phần Khách sạn Trảng Thi	30,00%	30,00%	Số 11B Trảng Thi, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội, Việt Nam
7	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội	40,00%	40,00%	Số 7 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội	42,38%	42,38%	Số 210 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, Hà Nội
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	30,00%	30,00%	Chợ Bưởi, Phường Tây Hồ, TP Hà Nội, Việt Nam
10	Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	20,00%	20,00%	Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
11	Công ty Cổ phần Thủy Tạ	30,00%	30,00%	Số 6 Lê Thái Tổ - Phường Hoàn Kiếm - Hà Nội

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12	Công ty Cổ phần Thực phẩm Thủy Tạ	30,00%	30,00%	Số 6 Lê Thái Tổ - Phường Hoàn Kiếm - Hà Nội
13	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	42,33%	42,33%	Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, TP Hà Nội, Việt Nam

(1) Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800889229 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2011, thay đổi lần thứ 04 ngày 12 tháng 08 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng*), được chia thành 2.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(2) Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK An Phú Hưng là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701669394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2010, thay đổi lần thứ 02 ngày 01 tháng 12 năm 2011.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(3) Công ty Cổ phần Thông tin Hapro là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105702077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần thứ 05 ngày 18 tháng 11 năm 2024.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(4) Công ty Cổ phần Thương mại – Đầu tư Long Biên là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100596869 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2003, thay đổi lần thứ 13 ngày 18 tháng 12 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 15.000.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ đồng*), được chia thành 1.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(5) Công ty TNHH Cao ốc Á Châu là Công ty TNHH được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100145961 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 03 ngày 14 tháng 08 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 12.636.225.000 đồng (*Mười hai tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

(6) Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107528836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(7) Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102048258 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2006, thay đổi lần thứ 04 ngày 03 tháng 06 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 6.000.000.000 đồng (*Sáu tỷ đồng*), được chia thành 600.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(8) Công ty Cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 06 năm 1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 40.000.000.000 đồng (*Bốn mươi tỷ đồng*), được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(9) Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại & Dịch vụ chợ Bưởi là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102137243 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 29 tháng 3 năm 2023.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*), được chia thành 5.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(10) Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2005, thay đổi lần thứ 16 ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 145.000.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng*), được chia thành 14.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(11) Công ty Cổ phần Thủy Tạ là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 03 năm 2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 06 năm 2023.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 15.000.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ đồng*), được chia thành 1.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(12) Công ty Cổ phần Thực Phẩm Thủy Tạ là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109987899 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2022, thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 06 năm 2023.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 15.000.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ đồng*), được chia thành 1.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty Cổ phần Thủy Tạ chia tách thành 02 Công ty Công ty Cổ phần Thủy Tạ và Công ty Cổ phần Thực Phẩm Thủy Tạ

(13) Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102144804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ 05 ngày 14 tháng 07 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 47.250.000.000 đồng (*Bốn mươi bảy tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*), được chia thành 4.725.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc:

STT	Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm Xuất nhập khẩu phía Bắc	Tầng 6, Số 38-40 Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Trung tâm kinh doanh hàng miễn thuế	C4 Giảng Võ, phường Giảng Võ, Hà Nội
3	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm kinh doanh Siêu thị Hapromart	Tầng 6, Số 38-40 Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội
4	Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối Bắc Thăng Long	Hải Bối - Xã Vĩnh Thanh - Hà Nội
5	Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối phía Nam	Khu đô thị Đền Lừ, phường Hoàng Mai, TP Hà Nội
6	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu	Tổ 47, Xã Thụ Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam
7	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại Thành phố Hồ Chí Minh	77-79 Phó Đức Chính, Phường Bến Thành TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
8	Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình	Thượng Đình – Thanh Xuân – Hà Nội
9	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại tỉnh Đồng Tháp	Tổ 10, Ấp Tân Thuận B, Xã Tân Dương, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
10	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại tỉnh Hưng Yên	Tổ dân phố Trại, Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC hợp nhất:

Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 01/01/2026, do vậy số liệu BCTC 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

8. Nhân viên

Tại ngày 30/6/2026 doanh nghiệp có 345 nhân viên đang làm việc (số tại ngày 31/12/2025 là 364 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm (với khoản đầu tư vào Công ty con).

4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái để ghi sổ kế toán cho các giao dịch kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ:

- Khi mua, bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi); Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;
- Áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình hoặc tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch:

a) Trường hợp doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ nhưng trong hợp đồng không quy định tỷ giá hối đoái cụ thể, doanh nghiệp sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế để ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ cho từng trường hợp như sau:

+ Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước tiền của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu, thu nhập).

+ Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phân bổ chi phí).

+ Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận tài sản).

+ Bên Nợ các Tài khoản vốn bằng tiền hoặc các tài sản khác; Bên Nợ các Tài khoản phải thu; Bên Nợ các Tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả trước tiền cho người bán.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- + Bên Có các TK phải trả; Bên Có các Tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua;
 - + Các tài khoản loại vốn chủ sở hữu;
 - b) Trường hợp doanh nghiệp sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ ra đồng tiền ghi sổ kế toán thì doanh nghiệp được sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế đó để hạch toán cho cả bên Nợ và bên Có của Tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.
 - Áp dụng tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.
Căn cứ vào đặc điểm và yêu cầu quản lý của đơn vị, các doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng tỷ giá ghi sổ để ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ cho từng khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sau đây:
 - + Bên Có các Tài khoản vốn bằng tiền hoặc các tài sản khác;
 - + Bên Có các Tài khoản phải thu (ngoại trừ giao dịch nhận trước tiền của người mua);
 - + Bên Nợ Tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các Tài khoản ký quỹ, ký cược, chi phí chờ phân bổ;
 - + Bên Nợ các Tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có Tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán khi nhận được sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.
 - Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ
Công ty áp dụng tỷ giá hối đoái để hạch toán các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
 - Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty thực hiện đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Riêng số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, Công ty thực hiện đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Công ty không thực hiện đánh giá lại đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
Tất cả chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đều được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ phải trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.
- 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.
Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng,... giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc được xác định theo giá trị thực tế của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản cho vay được ghi nhận là số hiện có của các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

7. Các khoản phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 20 năm

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của doanh nghiệp là:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất lâu dài nên không trích khấu hao

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03-08 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Doanh nghiệp hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50
Cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp	36 - 40

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Nguyên tắc kế toán kế toán chi phí chờ phân bổ.

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi Cổ phần hóa doanh Nghiệp Nhà nước được phân bổ vào chi phí với thời gian 10 năm.

Chi phí chờ phân bổ khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

14. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên, kế toán

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập trong năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển... các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng; tiền thuê đất...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

23. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

b) Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.294.525.297	1.462.542.408
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.977.736.665	25.718.022.937
Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000
Cộng	<u>32.272.261.962</u>	<u>27.680.565.345</u>

(*) Chi tiết các khoản tiền gửi không kỳ hạn:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SEABANK)	22.807.147.288	15.186.835.595
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	4.586.817.657	5.238.567.688
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV	3.201.405.755	4.749.389.508
Các Ngân hàng khác	382.365.965	543.230.146
Cộng	<u>30.977.736.665</u>	<u>25.718.022.937</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu về cho vay các bên liên quan	108.015.009.013	-	105.288.844.446	
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	24.680.266.000	-	24.880.266.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	41.812.200.000	-	41.812.200.000	-
Lãi vay	41.522.543.013		38.596.378.446	
Phải thu về cho vay các tổ chức và cá nhân khác	65.050.922.393	(4.882.510.813)	63.826.795.686	(4.882.510.813)
Công ty CP XNK Nam Hà Nội (Simex)	7.300.000.000	-	7.300.000.000	-
Công ty Cổ phần ĐTTM Hapro Đà Nẵng	10.800.000.000	-	10.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	4.650.000.000	(4.650.000.000)	4.650.000.000	(4.650.000.000)
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	14.575.954.359	-	14.625.954.359	-
Công ty Cổ phần Ẩm thực Hapro Bốn mùa	2.218.604.295	-	2.218.604.295	-
Lãi vay	25.506.363.739	(232.510.813)	24.232.237.032	(232.510.813)
Tiền gửi có kỳ hạn	800.000.000	-	1.300.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng	800.000.000		1.300.000.000	-
Cộng	<u>173.865.931.406</u>	<u>(4.882.510.813)</u>	<u>170.415.640.132</u>	<u>(4.882.510.813)</u>

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu khách hàng****a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>10.153.191.157</i>	<i>9.799.378.926</i>
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia Cầm	3.086.801.898	2.809.823.822
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu An Phú Hưng	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	23.878.773	23.878.773
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội	6.703.124.324	6.703.124.324
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	92.290.499	18.756.344
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	12.516.663	9.216.663
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà	110.819.466	110.819.466
Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	23.759.534	23.759.534
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>141.997.644.148</i>	<i>142.337.870.430</i>
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	2.686.889.717	2.686.889.717
Công ty TNHH Sơn Thành Phát	2.402.634.835	2.402.634.835
Công ty cổ phần đầu tư Thương mại Hapro Đà Nẵng	4.309.028.447	4.309.028.447
Công ty Cổ phần Thực phẩm Thiên Hương	1.687.154.000	3.194.555.000
INDOBOSS, LDA	16.066.099.464	16.032.922.692
Công ty Cổ phần Ẩm thực Hapro Bốn mùa	11.486.606.243	11.224.991.317
Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	7.387.097.858	7.392.497.858
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	23.613.963.010	23.600.057.935
Các khách hàng khác	72.358.170.574	71.494.292.629
Cộng	<u>152.150.835.305</u>	<u>152.137.249.356</u>

b) Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.745.750.385</i>	<i>1.745.750.385</i>
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia Cầm	1.745.750.385	1.745.750.385
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>3.841.427.540</i>	<i>3.963.918.201</i>
Công ty TNHH Dũng Thủy	2.202.488.345	2.202.488.345
Công ty Cổ phần Vinh Gia Lương	268.506.419	390.997.080
Công ty Cổ phần quốc tế Hà An	1.009.652.400	1.009.652.400
Phải thu khách hàng khác	360.780.376	360.780.376
Cộng	<u>5.587.177.925</u>	<u>5.709.668.586</u>

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	53.542.570.089	53.542.570.089
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu An Phú Hưng	27.381.448.482	27.381.448.482
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà	26.161.121.607	26.161.121.607
Trả trước cho người bán khác	282.044.506.233	282.997.772.696
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Phúc An	116.686.935.911	116.686.935.911
Công ty TNHH MTV NS Hồng Thiên Phát	31.307.345.324	31.307.345.324
Các nhà cung cấp khác	134.050.224.998	135.003.491.461
Cộng	335.587.076.322	336.540.342.785

5. Phải thu khác**a, Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	4.793.682.876	(2.444.019.724)	352.145.703.397	(2.444.019.724)
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	1.523.000	-	1.523.000	-
Công ty Cổ phần Khách sạn Trảng Thi	1.222.627.169	-	974.192.898	-
Công ty CP XNK Điều Việt Hà	2.444.019.724	(2.444.019.724)	2.444.019.724	(2.444.019.724)
Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	-	-	347.600.454.792	-
Giá gốc Khoản hợp tác kinh doanh	-	-	340.750.000.000	-
Lãi Hợp tác Kinh doanh	-	-	6.850.454.792	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu An Phú Hưng	1.125.512.983	-	1.125.512.983	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	84.268.367.440	(15.108.646.665)	80.928.013.669	(15.108.646.665)
Tạm ứng	6.019.605.932	(93.237.419)	3.273.212.147	(93.237.419)
Các khoản phải thu khác	78.248.761.508	-	77.654.801.522	-
Sở tài chính Hà Nội	38.508.516.474	-	38.508.516.474	-
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Phúc An	13.809.351.470	(13.809.351.470)	13.809.351.470	(13.809.351.470)
Công ty TNHH MTV NS Hồng Thiên Phát	1.789.300.931	-	1.789.300.931	-
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	868.285.000	(868.285.000)	868.285.000	(868.285.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	23.273.307.633	(337.772.776)	22.679.347.647	(337.772.776)
Cộng	89.062.050.316	(17.552.666.389)	433.073.717.066	(17.552.666.389)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**b, Dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	400.000	-	400.000	-
Công ty Cổ phần Thủy Tạ - Ký cược, ký quỹ	400.000		400.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.847.012.748	-	1.448.086.640	-
Ký cược, ký quỹ	4.847.012.748		1.448.086.640	
Cộng	4.847.412.748	-	1.448.486.640	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong kỳ:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(217.594.398.110)	(3.572.921.121)	(221.167.319.231)
Trích lập dự phòng bổ sung	(6.362.892.121)		(6.362.892.121)
Giảm khác			-
Số cuối kỳ	(223.957.290.231)	(3.572.921.121)	(227.530.211.352)

Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn, dài hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	51.219.793	-	56.217.933	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	199.813.403	-	-	-
Thành phẩm	19.460.620.434	-	19.980.027.095	-
Hàng hóa	14.101.116.360	-	14.079.802.704	-
Hàng gửi đi bán	246.329.059	-	-	-
Hàng hóa Bất động sản	1.210.933.333	-	1.210.933.333	-
Cộng	35.270.032.382	-	35.326.981.065	-

8. Chi phí chờ phân bổ**a, Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	10.784.764.033	13.629.377.800
Cộng	10.784.764.033	13.629.377.800

b, Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	113.878.725.377	105.484.662.648
Chi phí thương hiệu	6.203.468.776	7.758.655.924
Cộng	120.082.194.153	113.243.318.572

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	856.450.790.494	32.025.458.233	8.595.617.720	3.046.856.246	2.723.242.035	902.841.964.728
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	1.666.941.333	-	-	-	-	1.666.941.333
ĐTXD Cơ bản hoàn thành	15.021.228.719	-	-	-	-	15.021.228.719
Phá dỡ TSCĐ	(1.150.000.000)	-	-	(183.420.000)	-	(1.333.420.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	(138.971.750)	-	-	-	(138.971.750)
Số cuối kỳ	871.988.960.546	31.886.486.483	8.595.617.720	2.863.436.246	2.723.242.035	918.057.743.030
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	37.610.160.277	3.069.378.776	6.248.407.708	1.594.108.785	505.597.909	49.027.653.455
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	308.253.983.516	12.495.276.636	7.201.830.115	2.067.856.308	1.564.020.187	331.582.966.762
Khấu hao trong kỳ	11.129.311.199	886.205.710	117.360.504	98.960.916	22.381.860	12.254.220.189
Phá dỡ TSCĐ	(1.150.000.000)	-	-	(183.420.000)	-	(1.333.420.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	(84.541.154)	-	-	-	(84.541.154)
Số cuối kỳ	318.233.294.715	13.296.941.192	7.319.190.619	1.983.397.224	1.586.402.047	342.419.225.797
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	548.196.806.978	19.530.181.597	1.393.787.605	978.999.938	1.159.221.848	571.258.997.966
Số cuối kỳ	553.755.665.831	18.589.545.291	1.276.427.101	880.039.022	1.136.839.988	575.638.517.233

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tài sản Vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	45.845.913.581	3.284.289.430	32.500.000	49.162.703.011
Số cuối cuối kỳ	45.845.913.581	3.284.289.430	32.500.000	49.162.703.011
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	2.052.009.250	32.500.000	2.084.509.250
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	31.243.704	3.059.756.094	32.500.000	3.123.499.798
Khấu hao trong kỳ	-	42.099.996	-	42.099.996
Số cuối kỳ	31.243.704	3.101.856.090	32.500.000	3.165.599.794
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	45.814.669.877	224.533.336	-	46.039.203.213
Số dư cuối kỳ nay	45.814.669.877	182.433.340	-	45.997.103.217

Giá trị còn lại của Tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo cho khoản vay là: 2.789.249.352 VNĐ.

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	97.669.924.568	33.857.092.254	131.527.016.822
Số cuối cuối kỳ	97.669.924.568	33.857.092.254	131.527.016.822
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	21.877.746.710	18.816.693.509	40.694.440.219
Khấu hao trong kỳ	1.374.024.384	462.893.382	1.836.917.766
Số cuối kỳ	23.251.771.094	19.279.586.891	42.531.357.985
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	75.792.177.858	15.040.398.745	90.832.576.603
Số dư cuối kỳ nay	74.418.153.474	14.577.505.363	88.995.658.837

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo cho khoản vay có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là: 57.509.326.400 VNĐ và 45.815.549.048 VNĐ.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản này tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 do chưa tìm được đơn vị tư vấn phù hợp, Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư này trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**12. Tài sản dở dang dài hạn****a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	556.119.126.034	2.747.280.033	-	558.866.406.067
Dự án khu nhà ở và khu phụ trợ Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội	556.119.126.034	2.747.280.033	-	558.866.406.067
Cộng	556.119.126.034	2.747.280.033		558.866.406.067

b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Đ/C khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	459.121.979.891	28.124.548.149	-	(20.639.424.740)	466.607.103.300
+ Dự án Trung tâm Phân phối và Mua sắm Hà Nội	77.712.759.505	3.388.288.442	-	(7.221.692.519)	73.879.355.428
+ Dự án Chợ đầu mối phía Nam mở rộng	169.960.451.516	11.037.304.890	-	-	180.997.756.406
+ Dự án Trung tâm thương mại và Dịch vụ Hapro Thượng Đình	30.775.416.656	1.055.983.448	-	-	31.831.400.104
+ Xây dựng cơ bản khác	180.673.352.214	12.642.971.369	-	(13.417.732.221)	179.898.591.362
Cải tạo sửa chữa tòa nhà 7-9 Đinh Tiên Hoàng	13.619.462.752	1.401.765.967	(15.021.228.719)		-
Cộng	472.741.442.643	29.526.314.116	(15.021.228.719)	(20.639.424.740)	466.607.103.300

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

- Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu An Phú Hưng
- Công ty Cổ phần Thông tin Hapro
- Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên
- Công ty TNHH Cao ốc Á Châu
- Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi
- Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội
- Công ty Cổ phần Thủy Tạ
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Thủy Tạ
- Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương (*)
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội
- Công ty Cổ phần Dệt may XNK Yên Mỹ
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN
- Công ty Cổ phần Sửa Hà Nội
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn cầu
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tràng Tiền
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	139.059.611.835	-	132.710.320.231	-
	22.472.767.418	-	21.018.895.894	-
	-	-	-	-
	963.322.539	-	984.433.329	-
	19.548.459.273	-	18.323.146.228	-
	18.375.823.636	-	20.012.704.925	-
	2.087.199.736	-	2.153.451.210	-
	10.571	-	10.571	-
	26.914.965.824	-	25.688.599.796	-
	4.059.983.567	-	4.332.141.418	-
	5.178.414.899	-	5.931.484.330	-
	27.986.289.003	-	23.651.781.734	-
	9.485.013.344	-	8.717.705.675	-
	1.987.362.025	-	1.895.965.121	-
	90.817.472.782	(18.045.000.000)	90.817.472.782	(18.045.000.000)
	-	-	-	-
	8.577.173.184	-	17.154.346.367	-
	8.577.173.183	-	-	-
	1.295.000.000	(1.295.000.000)	1.295.000.000	(1.295.000.000)
	788.160.603	-	788.160.603	-
	32.203.288.931	-	32.203.288.931	-
	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
	10.065.485.897	-	10.065.485.897	-
	7.082.706.930	-	7.082.706.930	-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Liên danh Trung tâm thương mại Chợ Ngã Tư Sở	5.550.000.000	(5.550.000.000)	5.550.000.000	(5.550.000.000)
Công ty Cổ phần Thương mại Lăng Yên	2.108.484.054	-	2.108.484.054	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà (**)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sự kiện và Âm thực Hapro - Khoản đầu tư của Công ty Hạ tầng Thương mại Hà Nội	2.870.000.000	-	2.870.000.000	-
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro - Khoản đầu tư của Công ty Hạ tầng Thương mại Hà Nội	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển siêu thị - Khoản đầu tư của Công ty Hạ tầng Thương mại Hà Nội	10.200.000.000	(10.200.000.000)	10.200.000.000	(10.200.000.000)
Cộng	229.877.084.617	(18.045.000.000)	223.527.793.013	(18.045.000.000)

(*) Tổng Công ty Thương mại Hà Nội- Công ty Cổ phần ghi nhận khoản đầu tư theo xác định Giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa Công ty mẹ Tổng công ty Thương mại Hà Nội ngày 30/6/2016.

(**) Tổng Công ty Thương mại Hà Nội- Công ty Cổ phần nhận chuyển nhượng giá 0 đồng.

Tình hình biến động dự phòng đầu tư như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	(18.045.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	(18.045.000.000)
Số cuối kỳ	

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết tỷ lệ vốn nắm giữ và quyền biểu quyết ở từng Công ty như sau:

Chi tiết tỷ lệ vốn nắm giữ và quyền biểu quyết ở từng Công ty như sau.	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương (*)	-	2,67%	2,67%	-	2,67%	2,67%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	8.577.173.184	15%	15%	17.154.346.367	15%	15%
Công ty Cổ phần Dệt may XNK Yên Mỹ	8.577.173.183	15%	15%	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	1.295.000.000	6,11%	6,11%	1.295.000.000	6,11%	6,11%
Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội	788.160.603	0,23%	0,23%	788.160.603	0,23%	0,23%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn cầu	32.203.288.931	2,40%	2,40%	30.404.368.931	2,40%	2,40%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra	1.000.000.000	10,00%	10,00%	1.000.000.000	10,00%	10,00%
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Trảng Tiên	10.065.485.897	10,00%	10,00%	10.065.485.897	10,00%	10,00%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	7.082.706.930	5,57%	5,57%	7.082.706.930	5,57%	5,57%
Liên danh Trung tâm thương mại Chợ Ngã Tư Sở	5.550.000.000	-	-	5.550.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	2.108.484.054	5,00%	5,00%	2.108.484.054	5,00%	5,00%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà (*)	-	5,00%	5,00%	-	5,00%	5,00%

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả các bên liên quan	1.092.074.043	1.092.074.043	1.092.074.043	1.092.074.043
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	1.092.074.043	1.092.074.043	1.092.074.043	1.092.074.043
Phải trả các nhà cung cấp khác	20.308.491.644	20.308.491.644	20.611.955.346	20.611.955.346
Công ty Cổ phần Constrexim số 1 (Confitech)	1.992.456.072	1.992.456.072	1.693.086.975	1.693.086.975
Công ty CP dịch vụ khai thác Bất động sản Việt Nam	7.349.204.000	7.349.204.000	138.191.500	138.191.500
Công ty Cổ phần xây lắp số 3 Hà Nội	-	-	4.703.907.891	4.703.907.891
Công ty cổ phần dịch vụ quản lý tài sản Việt Nam	698.091.955	698.091.955	361.500.522	361.500.522
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và bán lẻ hàng tiêu dùng Hà Nội	28.758.262	28.758.262	1.254.406.079	1.254.406.079
Công ty Cổ phần phân phối Hapro	-	-	124.262.785	124.262.785
Các nhà cung cấp khác	10.239.981.355	10.239.981.355	12.336.599.594	12.336.599.594
Cộng	21.400.565.687	21.400.565.687	21.704.029.389	21.704.029.389

15. Người mua trả tiền trước**a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	2.398.238.499	1.891.331.916
BOZKUS IC VE DIS TICARET LIMIT	353.834.400	353.834.400
Veles LLC	202.811.720	202.811.720
Virgo III LTD	81.059.833	81.059.833
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản Xuất 3A	615.435.840	-
Các khách hàng khác	1.145.096.706	1.253.625.963
Cộng	2.398.238.499	1.891.331.916

b) Người mua trả tiền trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	16.763.699.694	16.763.699.694
Vũ Thị Thanh Mai	2.164.296.032	2.164.296.032
Các khách hàng khác	14.599.403.662	14.599.403.662
Cộng	16.763.699.694	16.763.699.694

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tăng/giảm khác	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	379.570.839	11.060.764.141	9.843.960.612	-	1.596.374.368
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.449.344	2.914.963	-	534.381
Thuế Xuất Nhập khẩu	-	102.537.897	102.537.897	-	-
Thuế TNDN	197.607.667	101.263.008	159.805.273	-	139.065.402
Thuế thu nhập cá nhân	256.176.931	540.117.790	499.072.807	-	297.221.914
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	35.155.492.046	35.095.456.541	-	60.035.505
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	161.996.745	2.562.887	154.124.147	-	10.435.485
Cộng	995.352.182	46.966.187.113	45.857.872.240	-	2.103.667.055

b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tăng/giảm khác	Số cuối kỳ
Thuế GTGT nộp thừa	37.108.013	37.108.013	-	-	-
Thuế Xuất Nhập khẩu nộp thừa	40.000.000	-	-	-	40.000.000
Thuế TNDN nộp thừa	534.210.567	-	110.993.089	-	645.203.656
Thuế thu nhập cá nhân	8.129.190	-	6.130.725	-	14.259.915
Tiền thuê đất nộp thừa	1.013.797	-	100.085.618	-	101.099.415
Các khoản khác phải thu Nhà nước	156.264.941	-	20.116.771	-	176.381.712
Cộng	776.726.508	37.108.013	237.326.203	-	976.944.698

Thuế phải thu được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 5%, 8%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VI.10.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.553.843.027	22.124.962.688
Chi phí lãi vay phải trả		5.225.945.205
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.553.843.027	16.899.017.483
Cộng	5.553.843.027	22.124.962.688

18. Doanh thu chờ phân bổ**a) Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu nhận trước	19.151.122.959	9.727.540.043
Cộng	19.151.122.959	9.727.540.043

b) Doanh thu chờ phân bổ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu nhận trước cho thuê nhà đất	89.094.279.250	91.003.489.504
Cộng	89.094.279.250	91.003.489.504

19. Phải trả khác**a, Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	49.757.822.465	44.709.817.276
Tài sản thừa chờ giải quyết	24.291.609	24.291.609
Kinh phí công đoàn	147.812.541	186.723.638
Bảo hiểm xã hội	225.732.193	179.052.173
Bảo hiểm y tế	44.870.481	36.590.431
Bảo hiểm thất nghiệp	62.806.059	59.126.039
Phải trả, phải nộp khác	46.985.755.510	42.752.609.264
+ Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh tiền lãi vay	36.854.733.155	27.570.871.236
+ Công ty CP Phát triển Golf Thiên Đường tiền lãi vay	664.220.800	4.598.420.273
+ Đối tượng khác	9.466.801.555	10.583.317.755
Nhận ký quỹ, ký cược	2.131.859.815	1.359.800.145
Phải trả về cổ phần hoá	9.637.932	9.637.932
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	125.056.325	101.986.045
Cộng	49.757.822.465	44.709.817.276

b, Các khoản phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các cá nhân, tổ chức

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	47.721.455.851	36.296.101.488
Nhận ký quỹ, ký cược	45.721.455.851	34.296.101.488
Các khoản phải trả dài hạn khác	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	47.721.455.851	36.296.101.488

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	64.807.070.518	64.807.070.518	347.586.103.119	347.586.103.119
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của Chi nhánh Xuất nhập khẩu Phía Bắc (1)	4.031.415.191	4.031.415.191	2.529.187.308	2.529.187.308
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của Văn phòng) (1)	13.871.728.979	13.871.728.979	301.146.990.386	301.146.990.386
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của chi nhánh Đồng Tháp) (1)	22.740.000.000	22.740.000.000	18.387.370.000	18.387.370.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Nội (Khoản vay của chi nhánh Đồng Tháp) (2)	8.653.680.000	8.653.680.000	12.540.867.700	12.540.867.700
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam (Khoản vay của Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Xuất nhập khẩu Điều Bình Phước)	7.753.804.902	7.753.804.902	7.753.804.902	7.753.804.902
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội)	3.408.458.109	3.408.458.109	2.456.695.437	2.456.695.437
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Khoản vay thấu chi của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Bắc Giang)	4.347.983.337	4.347.983.337	2.771.187.386	2.771.187.386
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	148.982.216.746	148.982.216.746	196.776.763.609	196.776.763.609
Công ty CP Phát triển Golf Thiên Đường (3.1)	5.000.000.000	5.000.000.000	55.400.000.000	55.400.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh (3.2)	134.800.000.000	134.800.000.000	134.800.000.000	134.800.000.000
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	9.182.216.746	9.182.216.746	6.576.763.609	6.576.763.609
Vay dài hạn đến hạn trả	3.517.502.104	3.517.502.104	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của Văn phòng)	3.517.502.104	3.517.502.104	-	-
Cộng	217.306.789.368	217.306.789.368	544.362.866.728	544.362.866.728

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(1) Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội theo các Hợp đồng tín dụng sau

1.1. Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF2525396096 ngày 24/09/2025

- Hạn mức vay: 150.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương (Hạn mức cho chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP - Trung tâm xuất nhập khẩu phía Bắc là 30.000.000.000 đồng. Hạn mức cho chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP tại tỉnh Đồng Tháp tối đa là 30.000.000.000 đồng. Hạn mức của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần là 90.000.000.000 đồng)..

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, hạn mức L/C và bảo lãnh, hạn mức chiết khấu bộ chứng từ.

- Lãi suất: Được xác định theo từng Giấy (Khế ước) nhận nợ cụ thể.

- Hình thức đảm bảo:

Tài sản đảm bảo 01: Bất động sản tại Thửa đất số 86 tờ bản đồ số 21 tại xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 140669, số vào sổ cấp GCN: CT03718 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 24/09/2015, 04 Bất động sản tại Khu biệt thự sân golf Montgomerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 246705, số vào sổ cấp GCN: CT11632; CB246708, số vào sổ cấp GCN: CT11633; CB 246709, số vào sổ cấp GCN: CT11634, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 18/09/2015, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 3472, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/05/2020 do Công chứng viên Phòng công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp chứng nhận ngày 12/05/2020; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 00783, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/05/2020 do Công chứng viên Văn phòng công chứng Hội An chứng nhận ngày 11/05/2020 trị giá 58.940.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tám tỷ chín trăm bốn mươi triệu đồng).

Tài sản bảo đảm 02: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất hình thành trong tương lai phát sinh từ Dự án Khu nhà ở và khu phụ trợ cụm công nghiệp thực phẩm Hapro, xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng của Tổng công ty thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần trị giá 953.199.738.400 đồng, bao gồm 130 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng Số: 0024/2025/HDHM-PN/SHB.110601 ngày 19/8/2025. Hạn mức tín dụng 50.000.000.000 VND.

Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu và thương mại nội địa, ưu tiên các phương án xuất khẩu hàng nông sản; Phát hành L/C và Phát hành bảo lãnh.

(3.1) Đây là khoản vay Công ty Cổ phần Golf Thiên Đường theo Hợp đồng vay sau

Hợp đồng 25/2023/HĐVV/GONTHIENDUONG-HAPRO ngày 17/5/2023 và Phụ lục gia hạn số 01 ngày 17/5/2024. Số tiền vay vốn 100.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để phục vụ nhu cầu tài chính của Công ty. Thời hạn vay 02 năm.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(3.2) Đây là khoản vay Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh theo các Hợp đồng vay sau

+ Hợp đồng 03/2025/HĐVV/PTTNHH-HAPRO ngày 10/3/2025; Phụ lục Hợp đồng ngày 10/3/2026. Số tiền vay vốn 44.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để phục vụ nhu cầu tài chính của Công ty. Thời hạn vay đến 09/3/2027.

+ Hợp đồng 14/2025/HĐVV/PTTNHH-HAPRO ngày 15/5/2025; Phụ lục Hợp đồng ngày 29/4/2026. Số tiền vay vốn 90.800.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để phục vụ nhu cầu tài chính của Công ty. Thời hạn vay đến 15/5/2027.

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	25.266.762.219	25.266.762.219	33.239.704.408	33.239.704.408
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Dự án TTTM và DV Thương Định (4)	442.737.688	442.737.688	1.770.990.844	1.770.990.844
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Dự án Siêu thị Cầu Bươu (5)	5.833.230.497	5.833.230.497	9.781.230.497	9.781.230.497
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Khoản vay Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng thương mại Hà Nội	2.147.965.437	2.147.965.437	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Láng Hạ - Dự án Trung tâm Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Hapro Bắc Giang - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Bắc Giang (6)	16.842.828.597	16.842.828.597	21.687.483.067	21.687.483.067
Vay dài hạn các tổ chức khác	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh (7)	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000
Vay dài hạn các cá nhân	1.700.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000
Cộng	68.966.762.219	68.966.762.219	76.939.704.408	76.939.704.408

(4) Đây là khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số REF2025900286 ký kết với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội ngày 30 tháng 9 năm 2020.

- Số tiền vay: 13.900.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Vay Thanh toán chi phí xây dựng Trung tâm thương mại và dịch vụ Thương Định;
- Thời hạn vay: Tối đa 84 tháng; Thời hạn rút vốn 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo quy định của SeaBank tại thời điểm giải ngân;

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(5) Đây là khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số REF2415700022 ký kết với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội ngày 14 tháng 10 năm 2024.

- Số tiền vay: 26.315.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Vay bù đắp chi phí đã thanh toán của dự án, vay bổ sung thanh toán Xây dựng Dự án Siêu thị Cầu Bươu;
- Thời hạn vay: 120 tháng; Thời hạn rút vốn 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo quy định của SeaBank tại thời điểm giải ngân;

(6) Theo hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 1430200089/HĐTD ngày 29/10/2014 số tiền vay 50.000.000.000 VND, mục đích vay "đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Hapro Bắc Giang tại lô TM Quảng trường" lãi suất được thỏa thuận trong từng giấy nhận nợ.

(7) Đây là khoản vay theo hợp đồng vay vốn kinh doanh số 08/2022/HĐVV/PTTNHH-HARPRO ký kết với Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh ngày 25 tháng 02 năm 2022 và Phụ lục 01/2025/HARPRO-PHUTHINH – PL01 ngày 25/02/2025; Phụ lục ngày 01/02/2026.

- Số tiền vay: 42.000.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ đồng chẵn);
- Mục đích vay: Giải quyết nhu cầu tài chính của Tổng Công ty thương mại - Công ty Cổ phần;
- Thời hạn vay: Đến ngày 24/02/2027;
- Lãi suất cho vay: 11%/năm (01 năm tính 365 ngày) trong thời hạn thực vay tính trên số dư thực tế mà Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh đã chuyển cho Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng khác	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	347.586.103.119	68.161.488.161	-	5.354.965	(350.945.875.727)	64.807.070.518
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của Chi nhánh Xuất nhập khẩu Phía Bắc (1)	2.529.187.308	4.950.974.933	-	5.354.965	(3.454.102.015)	4.031.415.191
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của Văn phòng) (1)	301.146.990.386	13.871.728.979	-	-	(301.146.990.386)	13.871.728.979
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của chi nhánh Đồng Tháp) (1)	18.387.370.000	25.824.262.000	-	-	(21.471.632.000)	22.740.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Nội (Khoản vay của chi nhánh Đồng Tháp) (2)	12.540.867.700	15.988.117.500	-	-	(19.875.305.200)	8.653.680.000
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam (Khoản vay của Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Xuất nhập khẩu Điều Bình Phước)	7.753.804.902	-	-	-	-	7.753.804.902
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội)	2.456.695.437	951.762.672	-	-	-	3.408.458.109
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Khoản vay thấu chi của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Bắc Giang)	2.771.187.386	6.574.642.077	-	-	(4.997.846.126)	4.347.983.337

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng khác	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	196.776.763.609	3.709.725.201	-	-	(51.504.272.064)	148.982.216.746
Công ty CP Phát triển Golf Thiên Đường (3.1)	55.400.000.000	-	-	-	(50.400.000.000)	5.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh (3.2)	134.800.000.000	3.709.725.201	-	-	-	134.800.000.000
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	6.576.763.609	-	-	(1.104.272.064)	-	9.182.216.746
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	3.517.502.104	-	-	3.517.502.104
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	-	-	3.517.502.104	-	-	3.517.502.104
Cộng	544.362.866.728	71.871.213.362	3.517.502.104	5.354.965	(402.450.147.791)	217.306.789.368

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	33.239.704.408	2.456.695.437	(6.912.135.522)	(3.517.502.104)	25.266.762.219
Vay dài hạn các tổ chức khác	42.000.000.000	-	-	-	42.000.000.000
Vay dài hạn các cá nhân khác	1.700.000.000	-	-	-	1.700.000.000
Cộng	76.939.704.408	2.456.695.437	(6.912.135.522)	(3.517.502.104)	68.966.762.219



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	2.200.000.000.000	315.664.802	(529.920.000)	10.242.057.765	33.381.940.928	(50.327.802.859)	20.729.852.893	2.213.811.793.529
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(33.214.816.652)	(2.595.438.225)	(35.810.254.877)
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	-	327.000.000	327.000.000
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(226.636.246)	(1.406.521)	(228.042.767)
Giao dịch trong vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(4.670.000.000)	(886.000.000)	(5.556.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(154.800.000)	(154.800.000)
Số dư cuối năm trước	2.200.000.000.000	315.664.802	(529.920.000)	10.242.057.765	33.381.940.928	(88.439.255.757)	17.419.208.147	2.172.389.695.885
Số dư đầu năm nay	2.200.000.000.000	315.664.802	(529.920.000)	10.242.057.765	33.381.940.928	(88.439.255.757)	17.419.208.147	2.172.389.695.885
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	(4.869.757.258)	(651.921.635)	(5.521.678.893)
Số dư cuối kỳ nay	2.200.000.000.000	315.664.802	(529.920.000)	10.242.057.765	33.381.940.928	(93.309.013.015)	16.767.286.512	2.166.868.016.992

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**b, Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty TNHH Motor.N.A Việt Nam	1.430.000.000.000	65,00%	1.430.000.000.000	65,00%
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Hòa Hải	347.584.690.000	15,80%	347.584.690.000	15,80%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean	115.846.000.000	5,27%	115.846.000.000	5,27%
Công ty TNHH Thương mại Ô tô Thành Công	232.231.250.000	10,56%	278.981.250.000	12,68%
Các Cổ đông khác	74.338.060.000	3,38%	27.588.060.000	1,25%
Cộng	<u>2.200.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>2.200.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>

c, Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	220.000.000	220.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	220.000.000	220.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	220.000.000	220.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	41.400	41.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.400	41.400
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	219.958.600	219.958.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	219.958.600	219.958.600
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu thành phẩm hàng hóa	110.941.936.323	150.207.366.447
Doanh thu cung cấp dịch vụ	95.243.930.052	83.820.660.285
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.049.104.812	755.026.294
Cộng	<u>209.234.971.187</u>	<u>234.783.053.026</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	82.926.670.916	123.899.221.176
Giá vốn dịch vụ	64.144.526.965	53.554.867.666
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.782.709.904	462.893.382
Cộng	<u>148.853.907.785</u>	<u>177.916.982.224</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.750.168.370	4.579.983.757
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.902.272.303	5.644.261.661
Lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	2.708.950.687	18.734.780.822
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	77.958.219	269.015.953
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	944.389.801	1.696.019.795
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	648
Cộng	<u>13.383.739.380</u>	<u>30.924.062.636</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	15.302.098.273	28.542.257.234
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	630.633.506	887.845.335
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	202.525.408	49.381.937
Chi phí tài chính khác	-	2.442.070
Cộng	<u>16.135.257.187</u>	<u>29.481.926.576</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.493.467.586	6.491.091.383
Chi phí vật liệu, bao bì	303.156.188	314.097.460
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.022.934.922	591.319.742
Chi phí khấu hao tài sản cố định	610.977.970	700.647.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.763.178.188	7.042.054.906
Các chi phí khác	1.572.345.229	1.509.856.057
Cộng	<u>19.766.060.083</u>	<u>16.649.067.281</u>

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.350.297.555	13.643.636.851
Chi phí vật liệu quản lý	29.223.943	35.490.541
Chi phí đồ dùng văn phòng	315.068.417	242.081.609
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.499.611.937	2.346.793.168
Thuế, phí và lệ phí	800.409.493	624.011.555
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	6.362.892.121	10.785.397.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.860.114.638	3.116.124.066
Các chi phí khác	25.337.911.255	27.692.083.852
Cộng	53.555.529.359	58.485.619.514

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý CCDC	43.824.074	18.890.909
Lãi thanh lý TSCĐ	-	3.181.818
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	505.639.493	1.194.190.520
Thu từ cho thuê tài sản với các cửa hàng	414.506.954	1.175.508.000
Thu nhập khác	336.031	742.769.700
Cộng	964.306.552	3.134.540.947

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản Phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính	1.750.385	636.757.539
Giá trị còn lại của CCDC	10.766.436	-
Lỗ từ thanh lý TSCĐ	52.612.414	-
Các khoản bị phạt vi phạm Hợp đồng	-	6.000.000
Chi phí khác	12.122.248	13.080.818
Cộng	77.251.483	655.838.357

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí Thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	58.426.582
Chi phí Thuế TNDN hiện hành tại Công ty Con	101.263.008	68.091.220
Chi phí thuế TNND hoãn lại		(17.649.225)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.869.757.258)	(5.159.608.017)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.869.757.258)	(5.159.608.017)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	219.958.600	219.958.600
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(22,14)	(23,46)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	24.357.838.512	25.208.623.128
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	8.782.076.090	1.784.893.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.133.237.951	14.006.308.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.180.505.327	26.302.744.111
Chi phí khác	37.134.550.543	67.189.496.383
Cộng	142.588.208.423	134.492.065.897

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thái Dũng	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
Trần Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Trần Huệ Linh	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Vũ Thanh Sơn	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/3/2025)	-	248.879.927
Dương Thị Lam	Tổng Giám đốc	607.896.412	528.933.484
Đỗ Tuệ Tâm	Phó Tổng Giám đốc	331.407.093	311.215.937
Lê Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 01/10/2025	-	280.429.211
Nguyễn Hồng Hải	Trưởng BKS	18.000.000	18.000.000
Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	6.000.000	6.000.000
Nguyễn Trọng Hiện	Thành viên BKS	6.000.000	6.000.000
Tổng cộng		1.035.303.505	1.465.458.559

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**B, Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu
 Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm
 Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu An Phú Hưng
 Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại & Dịch vụ Chợ Bưởi
 Công ty Cổ phần Thông tin Hapro
 Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên
 Công ty TNHH Cao ốc Á Châu
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội
 Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi
 Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội
 Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội
 Công ty Cổ phần Thủy Tạ
 Công ty Cổ phần Thực phẩm Thủy Tạ

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
 Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương
 Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN
 Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội
 Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn cầu
 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra
 Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Trảng Tiền
 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ
 Liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở
 Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên
 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà
 Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam
 Công ty Cổ Phần Intimex
 Công ty TNHH Thương mại Ô tô Thành Công
 Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Hòa Hải

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt
 Công ty nhận vốn góp
 Công ty nhận vốn góp
 Công ty nhận vốn góp
 Công ty nhận vốn góp
 Công ty nhận vốn góp
 Công ty nhận vốn góp
 Công ty nhận vốn góp
 Công ty nhận vốn góp
 Công ty nhận vốn góp
 Công ty nhận vốn góp
 Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cổ đông của Công ty
 Cổ đông của Công ty

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Cung cấp hàng hóa, dịch vụ, lãi cho vay	6T2026	6T2025
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	121.667.202	85.929.158
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	922.373.046	950.405.125
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	73.192.239	43.952.646
Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên	46.466.792	8.360.080
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Thời trang Hà Nội	311.617.825	150.389.558
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	1.031.650.562	946.521.380
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	2.286.511.597	2.280.769.597

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	6T2026	6T2025
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	-	4.090.909
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	43.413.810	908.246.925
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	135.186.200	743.784.848
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	-	8.160.000
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	-	18.914.522
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	-	12.573.585
Công ty CP Thực phẩm Thủy Tạ	28.918.001	43.037.036
Nhận Cổ tức	6T2026	6T2025
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	1.171.598.400	2.490.000.000
Công ty TNHH Đầu tư thương mại Trảng Tiền	3.620.673.903	6.474.537.690
Công ty TNHH Cao ốc Á Châu	3.035.281.289	3.570.954.371
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	-	556.948.800
Công ty Cổ phần Thương mại Lăng Yên	60.000.000	-
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Toàn Cầu	-	1.199.275.000
Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội	50.000.000	-
Hợp tác kinh doanh	6T2026	6T2025
Công ty Cổ Phần Intimex		
Phải thu gốc Hợp tác kinh doanh	-	368.750.000.000
Thu gốc Hợp tác kinh doanh	340.750.000.000	370.000.000.000
Phải thu lãi Hợp tác kinh doanh	-	18.734.780.822
Thu lãi Hợp tác kinh doanh	9.559.405.479	38.104.767.123

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.2; V.3; V.4; V.5; V.13; V.14; V.19; V.20/.

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Doanh nghiệp.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc và Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí khách hàng của Doanh nghiệp như sau:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Miền Bắc	Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	175.144.805.338	76.986.678.362	(42.896.512.513)	209.234.971.187
Chi phí bộ phận	111.623.867.876	72.910.390.217	(35.680.350.308)	148.853.907.785
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	63.520.937.462	4.076.288.145	(7.216.162.205)	60.381.063.402
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				73.321.589.442
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(12.940.526.040)
Doanh thu hoạt động tài chính				13.383.739.380
Chi phí tài chính				16.135.257.187
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				9.384.572.893
Thu nhập khác				964.306.552
Chi phí khác				77.251.483
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				101.263.008
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(5.521.678.893)

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán hàng hóa, thành phẩm
- Lĩnh vực dịch vụ
- Lĩnh vực Kinh doanh BĐS

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng hóa và thành phẩm	110.941.936.323	150.207.366.447
Cung cấp dịch vụ	95.243.930.052	83.820.660.285
Kinh doanh Bất động sản	3.049.104.812	755.026.294
Cộng	209.234.971.187	234.783.053.026

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	217.306.789.368	68.966.762.219	-	286.273.551.587
Phải trả người bán	21.400.565.687	-	-	21.400.565.687
Các khoản phải trả khác	59.811.079.216	47.721.455.851	-	107.532.535.067
Cộng	<u>298.518.434.271</u>	<u>116.688.218.070</u>	<u>-</u>	<u>415.206.652.341</u>
Số đầu năm				
Vay và nợ	544.362.866.728	76.939.704.408	-	621.302.571.136
Phải trả người bán	21.704.029.389	-	-	21.704.029.389
Các khoản phải trả khác	73.256.951.561	36.296.101.488	-	109.553.053.049
Cộng	<u>639.323.847.678</u>	<u>113.235.805.896</u>	<u>-</u>	<u>752.559.653.574</u>

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.272.261.962	27.680.565.345	32.272.261.962	27.680.565.345
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	168.983.420.593	165.533.129.319	168.983.420.593	165.533.129.319
Phải thu khách hàng	128.263.718.559	128.372.623.271	128.263.718.559	128.372.623.271
Các khoản phải thu khác	76.356.796.675	416.969.537.317	76.356.796.675	416.969.537.317
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	211.832.084.617	205.482.793.013	211.832.084.617	205.482.793.013
Cộng	617.708.282.406	944.038.648.265	617.708.282.406	944.038.648.265
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	286.273.551.587	621.302.571.136	286.273.551.587	621.302.571.136
Phải trả người bán	21.400.565.687	21.704.029.389	21.400.565.687	21.704.029.389
Các khoản phải trả khác	107.532.535.067	109.553.053.049	107.532.535.067	109.553.053.049
Cộng	415.206.652.341	752.559.653.574	415.206.652.341	752.559.653.574

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

6. Thông tin khác

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần thuộc kế hoạch Cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2016 – 2020. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2016. Thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần ngày 29/06/2018. Công ty đã tuân thủ quy định hiện hành về xác định giá trị doanh nghiệp, tuân thủ quy định pháp luật trong việc thực hiện cổ phần hóa và theo các hướng dẫn của các văn bản về cổ phần hóa. Theo quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội thành Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần và Biên bản bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội sang Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần ngày 17/01/2019 có sự chứng kiến bàn giao của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp, Đảng ủy khối Doanh nghiệp Nhà nước.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Do đó Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, chi tiết trình bày lại như sau:

	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước			Số liệu sau trình bày lại
	Mã số			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	-		170.415.640.132
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	-		(4.882.510.813)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	214.565.203.466		152.137.249.356
Phải thu ngắn hạn khác	135	433.474.378.434		433.073.717.066
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	(222.476.908.923)		(217.594.398.110)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-		24.331.200
Phải trả ngắn hạn khác	320	44.734.148.476		44.709.817.276

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 27 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Cao Mạnh Tuấn

Nguyễn Thị Duyên

Đương Thị Lam

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn, dài hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn		25.901.373.550	(25.901.373.550)		18.889.559.880	(18.889.559.880)
Công ty cổ phần phát triển siêu thị Hà Nội	Khó có khả năng thu hồi	2.192.519.364	(2.192.519.364)	Khó có khả năng thu hồi	2.192.519.364	(2.192.519.364)
Công ty Cổ Phần Phân Phối Hapro	Khó có khả năng thu hồi	1.048.931.701	(1.048.931.701)	Khó có khả năng thu hồi	1.048.931.701	(1.048.931.701)
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Đức Việt Hà	Khó có khả năng thu hồi	192.433.666	(192.433.666)	Khó có khả năng thu hồi	192.433.666	(192.433.666)
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Thái Bình	Khó có khả năng thu hồi	69.156.640	(69.156.640)	Khó có khả năng thu hồi	69.156.640	(69.156.640)
Trường mầm non tư thục Hoàng Gia	Khó có khả năng thu hồi	476.649.141	(476.649.141)	Khó có khả năng thu hồi	476.649.141	(476.649.141)
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội tại Hải Dương	Khó có khả năng thu hồi	184.336.628	(184.336.628)	Khó có khả năng thu hồi	184.336.628	(184.336.628)
Công ty TNHH Thương mại Thành Phát	Khó có khả năng thu hồi	6.050.901.337	(6.050.901.337)	Khó có khả năng thu hồi	6.050.901.337	(6.050.901.337)
Công ty TNHH cơ điện lạnh Tân Thành Đạt	Khó có khả năng thu hồi	3.590.845.240	(3.590.845.240)	Khó có khả năng thu hồi	3.590.845.240	(3.590.845.240)
Công ty TNHH Quảng Nam	Khó có khả năng thu hồi	4.390.594.048	(4.390.594.048)	Khó có khả năng thu hồi	4.390.594.048	(4.390.594.048)
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	Khó có khả năng thu hồi	6.005.995.384	(6.005.995.384)	-	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Nam Định	Khó có khả năng thu hồi	63.720.000	(63.720.000)	Khó có khả năng thu hồi	63.720.000	(63.720.000)
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Thanh Thảo	Khó có khả năng thu hồi	96.601.815	(96.601.815)	Khó có khả năng thu hồi	96.601.815	(96.601.815)
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trường An	Khó có khả năng thu hồi	100.500.027	(100.500.027)	Khó có khả năng thu hồi	100.500.027	(100.500.027)
Công ty TNHH Dũng Thụy	Khó có khả năng thu hồi	935.124.028	(935.124.028)	-	-	-
Đối tượng khác	Khó có khả năng thu hồi	503.064.531	(503.064.531)	Khó có khả năng thu hồi	432.370.273	(432.370.273)
Phải thu khách hàng dài hạn		3.572.921.121	(3.572.921.121)		3.572.921.121	(3.572.921.121)
Công ty TNHH Dũng Thụy	Khó có khả năng thu hồi	2.202.488.345	(2.202.488.345)	Khó có khả năng thu hồi	2.202.488.345	(2.202.488.345)
Công ty Cổ phần quốc tế Hà An	Khó có khả năng thu hồi	1.009.652.400	(1.009.652.400)	Khó có khả năng thu hồi	1.009.652.400	(1.009.652.400)
Công ty Cổ Phần Nội Thất Sinh Thái Hapro	Khó có khả năng thu hồi	360.780.376	(360.780.376)	Khó có khả năng thu hồi	360.780.376	(360.780.376)
Các khoản cho vay		4.650.000.000	(4.650.000.000)		4.650.000.000	(4.650.000.000)
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	Khó có khả năng thu hồi	4.650.000.000	(4.650.000.000)	Khó có khả năng thu hồi	4.650.000.000	(4.650.000.000)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn, dài hạn khó đòi

	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Dự phòng
Trả trước cho người bán		180.503.250.292	(180.503.250.292)		174.140.358.171	(174.140.358.171)		
Công ty TNHH Sản xuất - XNK An Lạc	Khó có khả năng thu hồi	20.034.401	(20.034.401)	Khó có khả năng thu hồi	20.034.401	(20.034.401)		
Công ty TNHH VAC	Khó có khả năng thu hồi	1.047.776.190	(1.047.776.190)	Khó có khả năng thu hồi	1.047.776.190	(1.047.776.190)		
Công ty TNHH Phước Thiên Phước	Khó có khả năng thu hồi	700.000.000	(700.000.000)	Khó có khả năng thu hồi	700.000.000	(700.000.000)		
Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Điều Việt Hà	Khó có khả năng thu hồi	19.160.407.765	(19.160.407.765)	Khó có khả năng thu hồi	19.160.407.765	(19.160.407.765)		
Công ty TNHH MTV Thương Mại - Dịch Vụ Tuyệt Anh	Khó có khả năng thu hồi	2.411.656.436	(2.411.656.436)	Khó có khả năng thu hồi	2.411.656.436	(2.411.656.436)		
Công ty TNHH Nông Sản Thiên Phước	Khó có khả năng thu hồi	1.190.000.000	(1.190.000.000)	Khó có khả năng thu hồi	1.190.000.000	(1.190.000.000)		
Công ty Cổ phần Lê Gia	Khó có khả năng thu hồi	2.758.707.703	(2.758.707.703)	Khó có khả năng thu hồi	2.758.707.703	(2.758.707.703)		
Công ty TNHH Trần Thiên Phúc	Khó có khả năng thu hồi	4.580.000.000	(4.580.000.000)	Khó có khả năng thu hồi	4.580.000.000	(4.580.000.000)		
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Phúc An	Khó có khả năng thu hồi	116.686.935.911	(116.686.935.911)	Khó có khả năng thu hồi	116.686.935.911	(116.686.935.911)		
Công ty CP Sản xuất Chế biến XNK Điều Việt Hà Bình Phước	Khó có khả năng thu hồi	7.000.713.842	(7.000.713.842)	Khó có khả năng thu hồi	7.000.713.842	(7.000.713.842)		
Công ty CP Sản xuất Kỹ thuật Thương mại Tây Nam	Khó có khả năng thu hồi	1.450.328.000	(1.450.328.000)	Khó có khả năng thu hồi	1.450.328.000	(1.450.328.000)		
Công ty TNHH NS Thiên Phước	Khó có khả năng thu hồi	2.737.614.000	(2.737.614.000)	Khó có khả năng thu hồi	2.737.614.000	(2.737.614.000)		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương Mại Sơn Phát	Khó có khả năng thu hồi	2.496.183.923	(2.496.183.923)	Khó có khả năng thu hồi	2.496.183.923	(2.496.183.923)		
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Tiến Thịnh	Khó có khả năng thu hồi	11.900.000.000	(11.900.000.000)	Khó có khả năng thu hồi	11.900.000.000	(11.900.000.000)		
Công ty TNHH Sunchung	Khó có khả năng thu hồi	6.362.892.121	(6.362.892.121)					
Các khoản phải thu khác		17.785.177.202	(17.785.177.202)		16.591.143.970	(16.561.143.970)		
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Phúc An	Khó có khả năng thu hồi	13.809.351.470	(13.809.351.470)	Khó có khả năng thu hồi	13.809.351.470	(13.809.351.470)		
Công ty CP Sản xuất Chế biến XNK Điều Việt Hà Bình Phước	Khó có khả năng thu hồi	2.444.019.724	(2.444.019.724)	Khó có khả năng thu hồi	2.444.019.724	(2.444.019.724)		
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	Khó có khả năng thu hồi	1.100.795.813	(1.100.795.813)	-	-	-		
Phải thu ngắn hạn khác	Khó có khả năng thu hồi	431.010.195	(431.010.195)	Khó có khả năng thu hồi	337.772.776	(307.772.776)		
Cộng		232.412.722.165	(232.412.722.165)		226.049.830.044	(226.049.830.044)		